

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thê

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Vinh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2020/TLST - HNGĐ, ngày 17/6/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐ-ST ngày 16/9/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh ngày: 26/01/1985, HKTT: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang sinh sống, làm việc tại Á Rập; có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Bị đơn: Anh Phan H, sinh ngày: 04/4/1979, HKTT: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H, sinh năm: 1985, hiện nay đang lao động tại nước Á Rập và anh Phan H, sinh năm: 1979 đều có Hộ khẩu thường trú tại: Thôn 1 (nay là thôn X), xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, sau quá trình tự do tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, hai

vợ chồng về sinh sống cùng gia đình chồng. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh từ năm 2012 do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không khí trong gia đình nặng nề. Đến năm 2014, chị H đi lao động tại Ả Rập. Từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân. Vì khoảng cách về địa lý xa xôi, tính cách không thể hòa hợp, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, đời sống hôn nhân không thể duy trì và không thể hàn gắn. Vì vậy, chị Trương Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Phan H theo quy định của pháp luật.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị Trương Thị H và anh Phan H có 03 con chung là: Phan Văn L, sinh ngày: 02/5/2003, Phan Thị Phương T, sinh năm: 01/8/2005, Phan Bá T sinh năm: 29/9/2010. Các con hiện nay đang ở cùng anh Phan H. Chị Trương Thị H đề nghị Tòa án giao quyền trực tiếp nuôi con chung cho anh Phan H vì chị H đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc con chung. Chị H sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan hệ tài sản chung: Chị Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Biên bản xác minh ngày 20/7/2020 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện: Anh Phan H và chị Trương Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Ng vào ngày 05/6/2003. Sổ đăng ký: 11/2003. Sau khi đăng ký kết hôn, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới công khai. Chị H và anh H có 03 con chung, đều đăng ký khai sinh tại UBND xã C, huyện Nghi X, cụ thể: Cháu Phan Văn L, sinh ngày: 02/5/2003, cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày: 01/8/2005, cháu Phan Bá T, sinh ngày: 29/9/2010, các con chung hiện nay đang thường trú tại xã C, huyện N. Từ trước đến nay, chính quyền chưa giải quyết mâu thuẫn gia đình giữa hai vợ chồng. Hiện nay chị H không có mặt tại địa phương, theo thông tin nắm bắt được thì chị H hiện nay đang lao động ở nước ngoài. Việc chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chính quyền không nắm bắt được về nguyên nhân và đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

- Tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh Phan H đều có mặt đầy đủ. Về nội dung yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị H anh có ý kiến như sau: Hôn nhân giữa anh và chị Trương Thị H là hợp pháp, tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ trước đến nay anh và chị H tình cảm vẫn rất tốt đẹp, không có xích mích hay mâu thuẫn gì, đã có 03 con chung. Thời gian đầu, khi chị H đi lao động ở nước ngoài vẫn thường xuyên gọi điện về cho chồng, con và gửi tiền về nuôi các con. Chỉ một vài năm lại đây, chị H không còn thường xuyên thông tin về và thỉnh thoảng mới gửi tiền nuôi

con. Đến nay thì chị H hoàn toàn cắt đứt mọi thông tin liên lạc về với gia đình. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh chỉ yêu cầu chị H về Việt Nam để làm rõ nguyên nhân. Nếu chị H thực sự không còn tình cảm thì anh cũng không níu kéo hoặc nếu chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần thì anh sẽ đồng ý ly hôn, cụ thể số tiền cấp dưỡng một lần anh và chị H tự thỏa thuận. Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung như lời trình bày của chị H. Nay anh có nguyện vọng được nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con: Nếu anh và chị H không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản làm việc ngày 20/7/2020, ngày 24/7/2020 và tại phiên toà: Các con chung của anh Phan H và chị Trương Thị H là cháu Phan Văn L, Phan Thị Phương T, Phan Bá T đều mong muốn bố mẹ suy nghĩ lại để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng các con; trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị H. Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn với anh Phan H; về con chung: Giao các con chung cho anh Phan H trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc chị Trương Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng/con x 3 = 4.500.000đ/tháng; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trương Thị H hiện đang lao động tại Ả Rập, các tài liệu chị H gửi về để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định. Tại công văn số 9918/QLXNC-P5, ngày 25/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Chị Trương Thị H được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu, đã xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3; Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 37, 39, 464 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị H có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị H đồng thời tổng đạt các văn bản tố tụng, niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.4] Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 206, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Phan H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 05/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 con chung là cháu Phan Văn L, sinh năm: 2003, cháu Phan Thị Phương T, sinh năm: 2005, cháu Phan Bá T, sinh năm: 2010. Theo trình bày của chị H thì mâu thuẫn phát sinh từ năm 2012 xuất phát từ việc hai vợ chồng không tin tưởng nhau. Đến năm 2014, chị H đi lao động tại Ả Rập. Từ đó, chị H không còn quan tâm đến anh H. Thỉnh thoảng chị H về Việt Nam nhưng giữa hai vợ chồng không có sự gắn kết tình cảm, thường xảy ra cãi cọ, xích mích. Đến thời điểm hiện nay, chị H gần như cắt đứt mọi thông tin liên lạc với anh H và khẳng định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phan H trình bày đời sống hôn nhân giữa hai vợ chồng vẫn diễn ra tốt đẹp. Chỉ thời gian gần đây chị H có gọi điện về thông báo cho anh ra Tòa án để làm việc. Sau đó, anh H nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo làm việc của Tòa án. Anh đã gọi điện thông báo cho chị H phải về Việt Nam để giải quyết thì anh mới đồng ý ly hôn. Hiện nay, anh cũng không còn nín kéo tình cảm với chị Hiền chỉ mong muốn chị Hiền có mặt tại phiên tòa để trình bày rõ lý do chị H ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện.

Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh

phúc... nhưng cuộc hôn nhân của chị Trương Thị H và anh Phan H hiện nay đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Tại điểm a.1, a.3 khoản a Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Căn cứ cho ly hôn: ...Được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi: Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống...”*, *“a.3. Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng”*.

Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”*.

Trên cơ sở nhận định về tình trạng hôn nhân hiện nay giữa anh Phan H và chị Trương Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Trương Thị H và anh Phan H đã ly thân từ năm 2014 đến nay, chị H không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương chồng cũng như không liên lạc về với các con; anh Phan H cũng không níu kéo tình cảm với chị H; hôn nhân không còn mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, tình trạng của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị H: Tuyên xử chị Trương Thị H và anh Phan H ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Hai vợ chồng anh Phan H và chị Trương Thị H có 03 con chung là Phan Văn L, sinh ngày: 02/5/2003, Phan Thị Phương T, sinh năm: 01/8/2005, Phan Bá T sinh năm: 29/9/2010. Các con hiện nay đang được anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở cùng anh H khi bố mẹ ly hôn. Do đang lao động ở nước ngoài nên chị H không thể trực tiếp nuôi con và sẽ cấp dưỡng theo quy định; anh Phan H có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con. Do đó, căn cứ quy định tại điểm d khoản 10 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: *“...Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần...”*. Vì vậy, căn cứ vào nguyện vọng của các con chung trên cơ sở xem xét điều kiện của người chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp con chung, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Phan H, giao con chung là Phan Văn L, sinh ngày: 02/5/2003, Phan Thị Phương T, sinh năm: 01/8/2005, Phan Bá T, sinh năm: 29/9/2010 cho anh Phan H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên”*. Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...”*. Tại điểm a, b, c khoản 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“a. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ; do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;*

b. Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý.

c. Về phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng”.

Như vậy, pháp luật hiện hành quy định về nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và trách nhiệm của cha, mẹ là ngang nhau. Theo đó, anh Phan H có quyền và trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị Trương Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh H không thỏa thuận được nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ nhu cầu thực tế của con tại khu vực nông thôn để xem xét mức cấp dưỡng phù hợp trên cơ sở đảm bảo những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của con và khả năng của chị Trương Thị H. Hiện nay, chị H đang lao động tại tại Ả Rập, anh Phan H lao động tự do tại địa phương, cả hai vợ chồng thu nhập đều không ổn định. Tuy nhiên, xét điều kiện thực tế, thu nhập của chị H cao hơn so với anh Phan H. Theo đó, buộc chị Trương Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Như vậy, chị Trương Thị H phải gửi tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng $1.500.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ con} = 4.500.000 \text{ đồng}$. Phương thức cấp dưỡng: Do hai vợ chồng không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm vào giữa tháng (ngày 15 hàng tháng). Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan H và chị Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 107, 110, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 39, 227, 273, 469, 479; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Hiền. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị H, sinh ngày: 26/01/1985, HKTT: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang sinh sống, làm việc tại Ả Rập và anh Phan H, sinh ngày: 04/4/1979, HKTT: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung của anh Phan H và chị Trương Thị H là: Phan Văn L, sinh ngày: 02/5/2003, Phan Thị Phương T, sinh ngày: 01/8/2005, Phan Bá T, sinh ngày: 29/9/2010 cho anh Phan H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc chị Trương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng/ con. Hàng tháng (vào ngày 15 hàng tháng) chị Trương Thị H phải gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 4.500.000 đồng cho 03 con chung. Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: *“Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

5. Về án phí: Buộc chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000031 ngày 16/6/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, chị Trương Thị H còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Đức Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh

Nguyễn Tất Thê

Nguyễn Thị Bích Đào

